

KHUNG YÊU CẦU TÍCH LŨY
(Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-ĐHTT ngày 23/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Tên CTĐT: Sư phạm Ngữ văn
Mã ngành: 7140217
Chuyên ngành: Sư phạm Ngữ văn
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Liên thông VLVH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
1	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI			2	1			1		
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	1					
3	XH2.1.050.3	Dẫn luận ngôn ngữ học			3	1			1		
4	XH2.1.087.2	Tiếng Việt thực hành			2	1			1		
5	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam			2	1					
6	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới			2	1					
7	TL2.1.419.3	Tâm lý học			3	1					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
8	TC2.1.024.2	Giáo dục thể chất 1			2	1					
9	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin			3	2			2		
10	NCKH.01.001.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3	3					
11	TL2.1.420.3	Giáo dục học			3	3					
12	XH2.1.101.3	Ngữ âm - Từ vựng tiếng Việt	XH2.1.050.3		3	2			2		
13	XH2.1.051.3	Lí luận văn học			3	3			1		
14		Tự chọn nhóm 1			2	3					
15		Giáo dục thể chất 2			3	2					
16	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		3	2					
17	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LL2.1.040.3		2	4					
18	XH2.1.103.4	Văn học dân gian Việt Nam			4	3			1		
19	XH2.1.106.3	Hán Nôm cơ sở			3	4			1		
20	XH2.1.104.3	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại			3	4			1		
21		Giáo dục thể chất 3			2	3			3		
22		Giáo dục quốc phòng và an ninh (04 HP)			9	2			2		
23	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3		3	3			3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
24	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	LL2.1.040.3		2	4					
25	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp			2	4					
26	XH2.1.105.3	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại			3	4			2		
27	TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm		TL2.1.419.3	2	4					
28	XH2.1.061.4	Phương pháp dạy học Ngữ văn		TL2.1.420.3	4	4			3		
29	XH2.1.113.2	Thực hành Sư phạm 1		TL2.1.420.3	2	5					
30	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2		2	5					
31	XH2.1.059.3	Ngữ pháp tiếng Việt	XH2.1.101.3		3	5			3		
32	XH2.1.074.2	Xây dựng Kế hoạch dạy học Ngữ văn	XH2.1.061.4		2	5					
33	XH2.1.107.4	Văn học nước ngoài			4	5			3		
34	XH2.1.077.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	XH2.1.061.4		2	5			3		
35		Tự chọn nhóm 2			2	5					
36		Tự chọn nhóm 3			2	6					
37	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2		2	6					
38	XH2.1.006.2	Tiến trình văn học	XH2.1.051.3		2	6					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
39	XH2.1.078.3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Ngữ văn	XH2.1.061.4		3	6					
40	XH2.1.124.2	Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn theo chương trình GDPT mới	XH2.1.061.4		2	6					
41	TN2.1.660.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	TN2.1.501.2		2	6					
42	XH2.1.075.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình)	XH2.1.113.2		4	6					
43	XH2.1.102.3	Ngữ dụng - Phong cách học tiếng Việt	XH2.1.059.3		3	7			4		
44	XH2.1.114.3	Thực hành Sư phạm 2	XH2.1.113.2		3	7					
45		Tự chọn nhóm 4			9	7					
46		Tự chọn nhóm 4 (chọn 1 HP)			3				4		
47		Tự chọn nhóm 4 (chọn 1 HP)			3						
48	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2		2	8			4		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
49	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDDT			2	8					
50	XH2.1.115.2	Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn	XH2.1.061.4		2	7			4		
51	XH2.1.090.2	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	XH2.1.102.3		2	8			4		
52	XH2.1.125.3	Độc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông		XH2.1.106.3	3	8			4		
53	XH2.1.111.3	Ngôn ngữ với văn chương			3	8			4		
54	XH2.1.086.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)	XH2.1.075.4	XH2.1.114.3	4	8					
Tổng số tín chỉ kỳ 1:					19				20		
Tổng số tín chỉ kỳ 2:					21				18		
Tổng số tín chỉ kỳ 3:					20				18		
Tổng số tín chỉ kỳ 4:					21				18		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số TC	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng		Người học có bằng đại học
						Học kỳ	Học kỳ		Học kỳ		Học kỳ
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp
Tổng số tín chỉ kỳ 5:					17						
Tổng số tín chỉ kỳ 6:					17						
Tổng số tín chỉ kỳ 7:					17						
Tổng số tín chỉ kỳ 8:					16						
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính HP QPAN)									65		
Tổng số tín chỉ toàn khoá (Gồm HP GDTC và GD QP-AN):					148				74		